

## TÌM HIỂU HAI THUẬT NGỮ ĐẠO CHÚA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI: HỌ, HỌ ĐẠO

Huệ Khải\*

### Lời mở đầu

Phần đông đại chúng và ngay cả tín đồ Cao Đài thường hay nghĩ rằng đạo Cao Đài chủ yếu kết tinh, tổng hợp Tam giáo (Nho, Lão, Phật). Thật ra, trong đạo Cao Đài còn có yếu tố đạo Chúa để hợp với Tam giáo mà thành Tứ giáo, một thuật ngữ xuất hiện kể từ khi có đạo Cao Đài; và thay vì nói theo truyền thống xa xưa là *Tam giáo đồng nguyên*, thì đạo Cao Đài xác định rằng *Tứ giáo đồng nguyên* là *nền tảng của giáo pháp* Cao Đài.<sup>(1)</sup>

Yếu tố đạo Chúa dễ dàng nhìn thấy qua ảnh thờ trên Thiên bàn của đạo Cao Đài, hay tám diềm trước Thiên bàn ở một số thánh thất thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh (xem hình 1 và 2); nhưng dường như yếu tố đạo Chúa không dễ nhận thấy về mặt ngôn ngữ nếu không chú ý tìm hiểu và có đôi chút hiểu biết về đạo Chúa.



Hình 1: Đức Chúa Giêsu trên bàn thờ (Thiên bàn) của đạo Cao Đài. Ảnh tài liệu.



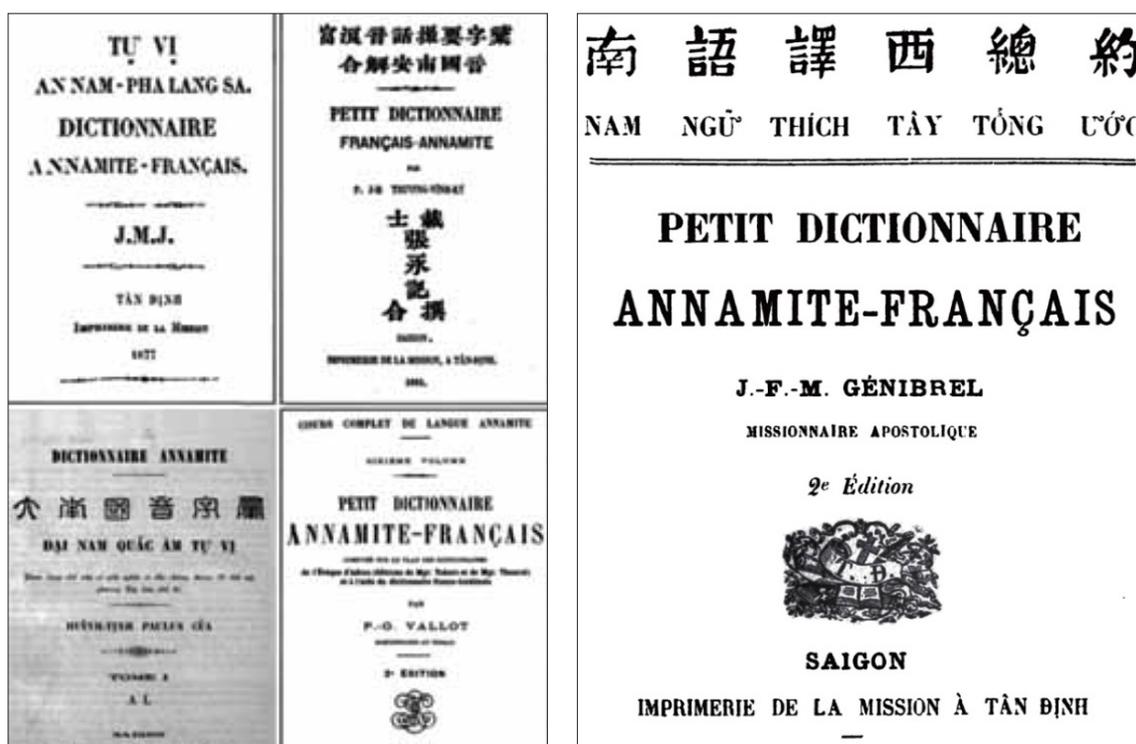
Hình 2: Đức Chúa Giêsu trên tám diềm trước Thiên bàn của một thánh thất thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Ảnh: Thomas Schoch.

Trong chiều hướng khảo sát yếu tố đạo Chúa về phương diện ngôn ngữ, bài viết này trình bày ý nghĩa hai thuật ngữ **họ**, **họ đạo** trong đạo Cao Đài vốn

\* Thành phố Hồ Chí Minh.

có nguồn gốc từ đạo Chúa. Bài viết này còn nhằm *bổ di* cho tập sách nhỏ của tôi nhan đề: *Sơ khảo thuật ngữ đạo Chúa trong đạo Cao Đài / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, tháng 01/2019, 104 trang).

Để xác định hai thuật ngữ **họ**, **họ đạo** có nguồn gốc từ đạo Chúa, tôi trích dẫn năm quyển từ điển cổ xưa của ba học giả Công giáo (J.M.J., Pétrus Ký, và Paulus Cửa) và hai giáo sĩ Công giáo (Vallot, và Génibrel) đã xuất bản trước khi đạo Cao Đài ra đời (1926) từ hai mươi năm (Génibrel 1906) tới bốn mươi chín năm (với J.M.J. 1877). (Xem hình 3a, 3b).



Hình 3a: Bốn quyển từ điển cổ xưa in năm 1877, 1884, 1895, 1904. Hình 3b: Quyển từ điển của Génibrel in năm 1906.

Ngoài ra, tôi còn tham khảo hai quyển từ điển Công giáo xuất bản gần đây. Để cho gọn, nhan đề bảy quyển từ điển này được viết tắt như sau (xếp theo thứ tự năm xuất bản):

**J.M.J. 1877:** *Tự vị An Nam - Pha Lang Sa / Dictionnaire annamite-français*. Tân Định: Imprimerie de la Mission, 1877 (916 trang).

**Pétrus Ký 1884:** Pétrus Jean Baptiste Trương Vĩnh Ký, *Petit dictionnaire français-annamite*. Sài Gòn: Imprimerie de la Mission, à Tân Định, 1884 (1.192 trang).

**Paulus Cửa 1895:** Huỳnh Tịnh Paulus Cửa, *大南國音字彙 / Đại Nam quốc âm tự vị*. Tome I. Sài Gòn: Imprimerie Rey, Curiol & Cie, 1895 (608 trang).

**Vallot 1904:** P. G. [Pierre Gabriel] Vallot, Missionnaire au Tonkin, *Petit Dictionnaire annamite-français*, composé sur le plan des dictionnaires de l'Évêque d'Adran (Éditions de Mgr. Tabert et de Mgr. Theurel) et à l'aide du dictionnaire franco-tonkinois. Hà Nội: Imprimeur-éditeur F.-H. Schneider, 1904, 2<sup>e</sup> édition (291 trang).

**Génibrel 1906:** J.-F.-M. Génibrel, Missionnaire apostolique, 南語釋西總約 / *Nam ngữ thích Tây tổng ước / Petit dictionnaire annamite-français*. Sài Gòn: Imprimerie de la Mission, à Tân Định, 1906, 2<sup>e</sup> édition (812 trang).

**TĐCG 2011:** Hội đồng Giám mục Việt Nam (Ủy ban Giáo lý Đức tin, Ban Từ vựng Công giáo), *Từ điển Công giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2011 (536 trang).

**TĐCG 2016:** Hội đồng Giám mục Việt Nam (Ủy ban Giáo lý Đức tin, Ban Từ vựng Công giáo), *Từ điển Công giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2016 (1.218 trang).

### I. Hai thuật ngữ *họ*, *người làm đầu trong họ* được dùng trong đạo Cao Đài từ khi nào?

Hai thuật ngữ *họ*, và *người làm đầu trong họ* được dùng trong đạo Cao Đài kể từ đầu năm 1927, cùng với sự ra đời của *Tân Luật*. Luật này được hình thành tại thánh thất Từ Lâm với quá trình gồm mấy nét chánh tóm tắt như sau:

Hòa thượng Như Nhãn tức Thích Từ Phong, thế danh Nguyễn Văn Tường (1864-1939), cho cất tại Gò Kén một ngôi chùa tên là Thiên Lâm tự 禪林寺, theo giấy phép ngày Thứ Tư 15/7/1925 của chủ tỉnh Tây Ninh.<sup>(2)</sup> Chùa Thiên Lâm hiện nay nằm bên quốc lộ 22B, ấp Long Trung, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, cách thành phố Tây Ninh khoảng 6 cây số (*xem hình 4*).



**Hình 4:** Thiên Lâm tự, nơi được mượn làm thánh thất Thiên Lâm (1926). *Tân Luật* Cao Đài ra đời tại đây (1926-1927). Ảnh tài liệu (chụp năm 2012).

Cuối tháng 8/1926, Hòa thượng Như Nhân đã bằng lòng cho các tiền khai Cao Đài mượn chùa Thiền Lâm (xây dựng chưa xong) để làm thánh thất Thiền Lâm, cũng gọi thánh thất Gò Kén.<sup>(3)</sup> Ngày Thứ Tư 23/3/1927 chùa Thiền Lâm được trả lại cho Hòa thượng Như Nhân.<sup>(4)</sup>

Đêm Thứ Bảy 20/11/1926, trong đàn cơ tại chánh điện thánh thất Thiền Lâm (xem hình 5), Đức Chí Tôn (Cao Đài Thượng Đế) ban *Pháp Chánh Truyền*, quy định tám phẩm chức sắc Cửu Trùng Đài, từ phẩm cao nhất là Giáo Tông cho tới phẩm thứ tám là Lễ Sanh. Đêm sau, Đức Chí Tôn quy định về việc công cử chức sắc từ phẩm Lễ Sanh lên tới Giáo Tông.<sup>(5)</sup>

Dựa trên *Pháp Chánh Truyền* các tiền khai Cao Đài đã tiến hành soạn *Tân Luật*; các bản dự thảo được hình thành dần dần kể từ tháng 11/1926.<sup>(6)</sup>

Ngày Thứ Hai 07/3/1927, *Tân Luật* của đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn phê chuẩn. *Tân Luật* được in lần đầu tiên tại nhà in Commerciale C. Ardin, Sài Gòn, 14 trang (15 x 24cm) và phát hành từ đầu tháng 6/1927 (xem hình 6).<sup>(7)</sup>



Hình 5: Chánh điện thánh thất Thiền Lâm (Gò Kén, Tây Ninh, 1926). Nơi đây Đức Chí Tôn phê chuẩn và ban hành *Tân Luật* (07/3/1927). Ảnh tài liệu.



Hình 6: *Tân Luật*, bản in lần đầu tiên tại nhà in Commerciale C. Ardin, Sài Gòn, 14 trang, 1927.

Trong *Tân Luật*, có mười sáu lần dùng thuật ngữ **họ**. Cụ thể như sau:

\* Phần *Đạo Pháp*, Chương II, quy định:

1. Điều Thứ Chín (trích): *Muốn xin nhập môn phải có hai người đạo đức tiến dẫn đến người làm đầu trong **họ**.*

2. Điều Thứ Mười Một: *Người làm đầu trong **họ** hay là chức sắc thay mặt cho mình phải đến làm lễ cúng khai đàn trấn thần an vị cho người mới vào Đạo.*

\* *Phần Đạo Pháp, Chương III, quy định:*

3. Điều Thứ Mười Sáu: *Nơi nào có đông tín đồ được chừng năm trăm người sắp lên, thì được lập riêng một **họ**, đặt riêng một thánh thất, có một chức sắc làm đầu cai trị.*

4. Điều Thứ Mười Bảy: *Sự lập **họ** phải có phép Đức Giáo Tông và phải do nơi quyền Người.*

5-6. Điều Thứ Mười Tám: *Bổn đạo trong **họ** phải tuân mạng lệnh của chức sắc làm đầu trong **họ**, nhứt nhứt phải do nơi người, chẳng đặng tự chuyên mà trái đạo.*

\* *Phần Đạo Pháp, Chương VII, quy định:*

7. Điều Thứ Hai Mười Sáu: *Trong bổn đạo ai có phạm luật pháp về mấy điều khoản nhẹ, thì về quyền người làm đầu trong **họ** phân xử (...).*

8. Điều Thứ Hai Mười Tám: *Về đường đời bổn đạo có xích mích nhau, cũng phải đến cho người làm đầu trong **họ** phân giải.*

\* *Phần Thế Luật quy định:*

9. Điều Thứ Hai: *Nhập đạo rồi thì phải quên những việc oán thù nhau khi trước; phải tránh việc ganh ghét tranh đua và kiện cáo; phải nhẫn nhịn và hòa thuận với nhau. Rủi có điều chi xích mích, phải vui nghe người làm đầu trong **họ** phân giải.*

10-11. Điều Thứ Mười Bốn: *Trong bổn đạo xảy có người mãn phân quy vị thì chư tín đồ trong **họ** phải chung cùng đến giúp và chia buồn với tang chủ.*

*Mỗi **họ** cũng nên lập một nghĩa địa riêng.*

12-13. Điều Thứ Mười Lăm: *Người làm đầu trong **họ**, khi tang chủ mời, phải đến hiệp với chư tín đồ trong **họ**, làm lễ cầu siêu cho vong linh theo Tân Luật và đưa xác đến mộ phần.*

14. Điều Thứ Mười Chín: *Một người trong đạo gặp tai nạn thành linh, thì bổn đạo trong **họ** hãy tùy hỷ chung nhau, tư trợ cho qua lúc ngặt nghèo.*

15. Điều Thứ Hai Mười Hai: *Người nào trong đạo phạm một hay nhiều điều răn cấm trên đây, thì mấy người khác trong bổn đạo hay biết phải khuyên giải. Nếu chẳng nghe, phải đến tố cho người làm đầu trong **họ** hay, cho người để lời khuyên dạy.*

16. Điều Thứ Hai Mươi Bốn: *Hội Công Đồng có Đâu Sư một phái làm đầu và hai chức sắc hai phái kia nghị sự phán đoán về hình [phạt] trục xuất theo lời của người làm đầu trong họ xin.*

Các trích dẫn trên cũng cho thấy *Tân Luật* có mười một lần dùng thuật ngữ **làm đầu trong họ**.

Như vậy, khởi sự từ *Tân Luật* (1927), đạo Cao Đài dùng thuật ngữ **họ** để gọi một cộng đồng tín đồ ở cùng một địa phương và số lượng ít nhất là năm trăm người. Vị chức sắc chịu trách nhiệm trông coi một họ được gọi là người **làm đầu trong họ**.

## II. Ý nghĩa và nguồn gốc thuật ngữ *Họ*

1. **Họ** trong tiếng Việt có nghĩa là *gia đình, dòng họ*.

1.1. J.M.J. 1877 (tr. 327, mục từ *họ*) giải thích *họ* là *famille*.

1.2. Paulus Của 1895 (tr. 424a,<sup>(8)</sup> mục từ *họ*) giải thích *một họ* là: *Đồng một dòng dõi, bởi một kiến [sic] mà ra.*

Ghi chú: *Kiến* ở trong Nam nói đủ là *kiếng họ*, tức là một cánh hay nhánh của một dòng họ; và phủ thờ là ngôi nhà thờ lớn dành thờ cúng, làm lễ giỗ cho cả một kiếng họ.

1.3. Vallot 1904 (tr. 115b, mục từ *họ*) giải thích *họ* là *une famille*.

1.4. Génibrel 1906 (tr. 216, mục từ *họ*) giải thích *họ* là *famille*.

2. Ý nghĩa **họ** là *gia đình, dòng họ*, rất phù hợp với thuật ngữ **họ** dùng trong đạo Cao Đài. Theo nghĩa này, các tín đồ trong một *họ* là *anh chị em* trong một gia đình (2.1.); thánh thất trong họ là *nhà chung* của các tín đồ (2.2.); Giáo Chủ (Đức Cao Đài, Thầy) là *Cha*; Giáo Tông thay mặt Thầy lãnh đạo Hội Thánh là *Anh Cả* của hết thầy tín đồ (2.3.). Thật vậy:

2.1. Trong *Tân Luật*, phần *Thế Luật*, *Điều Thứ Nhất*, quy định:

*Hễ thọ giáo với một Thầy thì tỷ như con một cha, phải thương yêu nhau; liên lạc nhau, giúp đỡ nhau lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau, dìu dắt nhau trong đường đạo và đường đời.*

2.2. Sau khi mượn được chùa Thiên Lâm tạm làm thánh thất, vào ngày Thứ Bảy 18/9/1926 Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (tức Cao Đài Giáo Chủ, cũng là Thầy) dạy các môn đệ:

*Các con, Thầy đã lập thành thánh thất; nơi ấy là nhà chung của các con.*<sup>(9)</sup>

2.3. Trong *Tân Luật*, phần *Đạo Pháp*, *Chương I*, *Điều Thứ Nhất*, quy định (trích):

*Trên hết có một phẩm Giáo Tông là Anh Cả có quyền thay mặt cho Thầy mà dìu dắt cả tín đồ trong đường đạo và đường đời.*

3. Thuật ngữ **họ** dùng trong đạo Cao Đài vốn là thuật ngữ đạo Chúa. Thật vậy:

3.1. Pétrus Ký 1884 (tr. 378, mục từ *chrétienté*) giải thích:

*Chrétienté*: Chỗ (nơi, xứ) có đạo. *Họ* (có đạo).

*L'église de la chrétienté de Chợ Quán*: Nhà thờ *họ* Chợ Quán.

*Fonder une chrétienté*: Lập *họ*.

*Chef d'une chrétienté*: Ông trùm *họ*.

*Les notables d'une chrétienté*: Các chức *họ*.

3.2. Paulus Cửa 1895 (tr. 424a, mục từ *họ*) giải thích *một họ* còn có nghĩa là: *Một hội giáo hữu ở một chỗ*.

Giáo hữu là gì? Là tín đồ đạo Chúa. Do đó:

- Paulus Cửa 1895 (tr. 460a, mục từ *hữu*) giải thích *giáo hữu* là: *Anh em trong đạo Thiên Chúa, tiếng kêu chung các người theo đạo Thiên Chúa*.

- Génibrel 1906 (tr. 181, mục từ *giáo*) giải thích *các giáo hữu* là: *Les fidèles* [các tín đồ], *les Catholiques* [các tín đồ Công giáo].

3.3. Vallot 1904 (tr. 115, cột 2, mục từ *họ*) giải thích *họ* còn có nghĩa thứ hai là: *une chrétienté*.

3.4. Génibrel 1906 (tr. 216, mục từ *họ*) giải thích *họ* còn có nghĩa là: *une chrétienté*.

### III. **Họ** biến thành **Họ đạo**

1. Ban sơ *họ đạo* là từ dùng để gọi các đô tùy phục vụ khiêng linh cữu trong đám tang. Thật vậy:

1.1. Paulus Cửa 1895 (tr. 424a, cột 1, mục từ *họ*) giải thích *họ đạo* là: *Bọn lãnh việc đi khiêng quan cữu (đám ma)*.

Hai giải thích sau đây tương tự như Paulus Cửa:

1.2. J.M.J. 1877 (tr. 328, mục từ *họ*) giải thích *họ đạo* là: *Compagnie du service funèbre; les croque-morts*

1.3. Génibrel 1906 (tr. 217, mục từ *họ*) giải thích *họ đạo* là: *Compagnie des pompes funèbres; les croque-morts*.

Có lẽ vì thế mà thoát đầu, đạo Chúa và đạo Cao Đài chưa dùng thuật ngữ **họ đạo**. Sau Génibrel mười một năm, báo *Nam Kỳ địa phận* (số 418, ra ngày 08/02/1917) khi viết về bà nhứt<sup>(10)</sup> nhà mồ côی Tân Định vẫn chỉ dùng **họ**. Mẫu tin trên báo ấy viết:

“(B)à đã có công trong **họ** lâu năm, là lo nuôi dưỡng con mồ côی, và lập trường dạy đồng nhi nam nữ, (...).”<sup>(11)</sup>

2. Nhưng dần dần về sau thì **họ** được gọi là **họ đạo**, và người **làm đầu trong họ** được gọi là **đầu họ đạo**, hay nói gọn là **đầu họ**. Tôi chưa đủ điều kiện để xác định được sự thay đổi ấy bắt đầu có từ bao giờ.<sup>(\*)</sup>

Tuy nhiên, riêng trong đạo Cao Đài, vào ngày Thứ Năm 25/8/1938 (01/7 nhuận [nhuận] Mậu Dần), qua bộ phận thông công của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên (Tòa Thánh Châu Minh, thánh tịnh Bạch Long Cung Hoàng, và thánh tịnh Đại Thanh),<sup>(12)</sup> khi chú giải *Tân Luật*, Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch hai mươi lần dùng các thuật ngữ **họ đạo**, **đầu họ**, **đầu họ đạo**. Cụ thể như sau:

\* *Phân Đạo Pháp*:

2.1. Chú giải Chương I, Điều Thứ Bảy (trích): *Lễ Sanh được làm đầu họ đạo thánh thất.*

2.2. Chú giải Chương II, Điều Thứ Mười (trích): *Họ đạo dạy bảo người mới vào đạo và Ban Cai Quản đem tên vào bộ nhập môn.*

2.3. Chú giải Chương III: *Đây nói về việc lập họ, đặng chia trong mỗi đầu họ giữ bao nhiêu tín đồ cho khỏi điều lộn xộn.*

2.4. Chú giải Chương III, Điều Thứ Mười Sáu (trích): *Trong thánh thất có một người chức sắc đầu họ là Lễ Sanh vậy.*

2.5. Chú giải Chương III, Điều Thứ Mười Tám (trích): *Chư tín đồ trong họ mỗi việc gì can hệ với phần đạo phải cho người đầu họ biết và do nơi người lấy luật đạo mà làm việc cùng tín đồ.*

2.6. Chú giải Chương III, Điều Thứ Mười Chín (trích): *(H)oặc [tín đồ có] việc gì phiền phức với đạo hay là biếng nhác không đi châu lễ, chư chức sắc đầu họ phải đòi đến an ủi ba lần mới công bố.*

2.7. Chú giải Chương VI, Điều Thứ Hai Mươi Ba (trích): *Trường tiểu học nơi họ đạo tức thánh thất, [...].*

2.8. Chú giải Chương VII, Điều Thứ Hai Mươi Sáu (trích): *Đây nói về hàng tín đồ, nếu người nào phạm những điều tội nhẹ thì sẽ do nơi người đầu họ phân xử [...].*

2.9.-2.10. Chú giải Chương VII, Điều Thứ Hai Mươi Bảy (trích): *Những tín đồ phạm tội nếu đầu họ xử không nghe hay là tái phạm đến một lần, còn chằm chể; ba lần thì đầu họ phải đệ lên Tòa Công Đồng phán xét.*

<sup>(\*)</sup> Theo nhà ngôn ngữ học Hoàng Dũng, cách nói **đầu họ** đã xuất hiện trong *Từ điển Việt - Bồ - La* của A. de Rhodes (1651, mục từ *Họ*, tr. 327). Lúc đó, **đầu họ** có nghĩa là “đứng đầu một họ”. Riêng thuật ngữ **họ đạo** thì xuất hiện muộn hơn trong cuốn *Dictionarium Anamitico - Latinum* của P. de Béhaine (biên soạn năm 1772, xuất bản năm 1838, mục từ *Họ*, tr. 183), như vậy là trước cuốn từ điển của J.M.J cả trăm năm. (Xin cảm ơn anh Hoàng Dũng đã cung cấp một ngữ liệu quan trọng cho bài viết. BT).

2.11. Chú giải Chương VII, Điều Thứ Hai Mười Tám: *Bốn đạo hoặc còn ở đường đời, ăn ở cùng nhau có điều chi xích mích phải đem đến cho người **đầu họ** phân giải; không xong sẽ còn chỗ khác, chẳng dặng đem ra tòa đời.*

\* Phần Thế Luật:

2.12.-2.13. Chú giải Điều Thứ Bảy (trích): *Trước chánh sinh tám ngày, chủ hôn trai phải thưa với người **đầu họ** mình biết, dặng xin phép cưới gả và yêu cầu vị **đầu họ** dán tờ bố cáo nơi thánh thất mình và một tờ nơi thánh thất bên gái [...].*

2.14. Chú giải Điều Thứ Mười Hai (trích): *Đứa con nít từ một tháng trở lên, cha mẹ nó phải đem đến thánh thất sở tại mình mà thưa làm lễ tắm thánh, rồi thưa với người **đầu họ** ghi tên vào sổ sanh [...].*

2.15. Chú giải Thế Luật, Điều Thứ Mười Ba (trích): *Con nít từ sáu tuổi đến mười hai tuổi thì cha mẹ phải đem đến trường học trong **họ đạo** mà học chữ hay học đạo, [...].*

2.16.-2.17. Chú giải Điều Thứ Mười Tám (trích): *Việc cầu siêu cho vong linh thì có cứu sơ, cứu chót,<sup>(13)</sup> tiểu tường, và đại tường là lớn nhất, phải đến cầu nơi thánh thất thì người **đầu họ** phải cùng chư chức sắc đến làm lễ cầu siêu và dâng sớ cho người, song buộc rằng kẻ hiếu tử phải thưa trước cùng **đầu họ** năm ngày [...].*

2.18. Chú giải Điều Thứ Mười Chín (trích): *Người trong **họ đạo** mà có gặp thủy tai, hỏa hoạn, gặp tai nạn thành linh, hoặc có người nào siêng năng, giỏi giang mà lỡ vận thất thời thì trong bốn đạo giúp đỡ nhau lúc ngặt nghèo, [...].*

2.19. Chú giải Điều Thứ Hai Mười Hai (trích): *Người trong đạo ai có lỗi thì phải khuyên lơn nhau, nếu nhiều lần mà không bỏ, tánh xấu vẫn còn thì người **đầu họ** phải đòi đến mà khuyên dạy, [...].*

2.20. Chú giải Điều Thứ Hai Mười Bốn: *Hội Công Đồng<sup>(14)</sup> có Đầu Sư phải mình và hai chức sắc hai phái kia nghị án theo lời của người **đầu họ** xin.*

#### IV. Thay lời kết

Ngày nay trong đạo Cao Đài, thuật ngữ *họ đạo* hoàn toàn thay thế cho *họ*; và thuật ngữ *đầu họ* hay *đầu họ đạo* hoàn toàn thay thế cho người làm đầu trong họ.

Trong đạo Chúa, hai quyển TĐCG 2011 (tr. 141), TĐCG 2016 (tr. 353) đều có mục từ *giáo xứ* thay cho mục từ *họ đạo*. Tuy nhiên hiện nay lại thấy lắm khi *họ đạo* và *giáo xứ* vẫn được dùng song song. Chẳng hạn:

- Ngày Thứ Ba 09/8/2016, website giáo xứ Tân Định có bài *Đôi nét về giáo xứ Tân Định* mở đầu như sau:

*Hình thành năm 1861, là một trong các **họ đạo** đầu của địa phận Tây Đàng Trong, **giáo xứ** Tân Định có diện tích rộng lớn để xây dựng các cơ sở vật chất phục vụ cho các sinh hoạt tôn giáo như: nhà xứ, sân nhà thờ, nhà in.<sup>(15)</sup>*

- Hoặc bản tin ngày Thứ Bảy, 23/01/2016, giới thiệu về *Tờ tin 421* của giáo xứ Tân Định, website Tổng Giáo phận TP. HCM mở đầu như sau:

*Tờ tin giáo xứ Tân Định phát hành để gửi đến các hộ gia đình lương và giáo thuộc họ đạo Tân Định cũng như cho mọi khách vắng lai tham dự thánh lễ Chúa Nhật tại nhà thờ giáo xứ.*<sup>(16)</sup>

Anh Giang Quốc Chung (báo *Công giáo và Dân tộc*, một bạn văn Kitô hữu thân thiết với tôi nhiều năm nay) nói rằng theo trải nghiệm của anh, nhiều người Công giáo vẫn thích nói *họ đạo* hơn *giáo xứ* bởi lẽ chữ *họ* gợi lên ý nghĩa gia đình, dòng họ, và nghe ra chiều thân mật, có nét gần gũi giữa những người đồng đạo cùng chung đức tin.

Tôi hoàn toàn đồng ý với anh Chung, vì như đã trình bày trên đây (phần II bài viết này), hai chữ *họ đạo* trong Cao Đài hàm chứa ý nghĩa *anh chị em* có một *nhà chung* (là thánh thất), có một *đấng Cha chung* (là Thầy, Thượng Đế), có chung một người *Anh Cả* (là Giáo Tông).

**H K**

## CHÚ THÍCH

- (1) Phạm Văn Liêm. (2018). *Sự nghiệp trung hưng*. Nxb Hồng Đức. Hà Nội. Tr. 251-252.
- (2) Huệ Nhẫn. (2005). *Lịch sử đạo Cao Đài*. Quyển I. Nxb Tôn giáo. Hà Nội. Tr. 439. Chú thích 271.
- (3) Huệ Khải. (2015). *Lược sử đạo Cao Đài: Khai minh Đại Đạo 1926 / A Concise Caodai History: the 1926 Inauguration*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội. Tr. 21.
- (4) Huệ Khải. *Lược sử đạo Cao Đài: Khai minh Đại Đạo 1926*. Sđd. Tr. 48.
- (5) Huệ Khải. *Lược sử đạo Cao Đài: Khai minh Đại Đạo 1926*. Sđd. Tr. 32.
- (6) Huệ Khải. *Lược sử đạo Cao Đài: Khai minh Đại Đạo 1926*. Sđd. Tr. 34.
- (7) Huệ Khải. *Lược sử đạo Cao Đài: Khai minh Đại Đạo 1926*. Sđd. Tr. 38.
- (8) Khi trang sách chia làm hai cột, cột 1 gọi là a, cột 2 gọi là b.
- (9) Tòa Thánh Tây Ninh. (1928). *Thánh ngôn hiệp tuyển*. Bồn thứ nhứt. Imprimerie Tam Thanh. Sài Gòn. Tr. 38.
- (10) *Bà nhứt*: Nữ tu (*sœur*) đứng đầu một dòng tu nữ.
- (11) Trần Nhật Vy. (2019). “Tuồng Joseph”,. Tuần san *Công giáo và Dân tộc*. Xuân Kỷ Hợi. Tr. 51.
- (12) Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. (1996). *Thánh ngôn hiệp tuyển - Pháp chánh truyền - Tân Luật*. Xí nghiệp in quốc doanh Quảng Nam. Đà Nẵng. Tr. 301.
- (13) *Cửu sơ, cửu chót*: Trong đạo Cao Đài, khi một tín đồ qua đời, để giúp linh hồn người chết siêu thăng, lần lượt đi lên chín tầng trời, người thân phải nhờ thánh thất mời đồng đạo đến cúng cửu (chín ngày cúng một lần, cúng chín lần). *Cửu sơ* là cửu thứ nhất: Ngày chết tính là một, đếm tới ngày thứ chín thì cúng cửu sơ. Sau chín ngày nữa thì cúng *cửu hai*... Cứ như thế, sau tám mươi mốt ngày thì cúng *cửu chót* (cửu thứ chín, *chung cửu*). Mỗi cửu đều có bài kinh tụng riêng, tương ứng với một tầng trời mà linh hồn được siêu thăng tới đó. Sau

cửu chót hai trăm ngày thì cúng *tiểu tường*. Sau tiểu tường ba trăm ngày thì cúng *đại tường* (mãn tang). Tất cả các lễ cúng cầu siêu như kể trên đều làm tại thánh thất, chức sắc và bản đạo cùng cầu nguyện. Tuyệt đối không được đòi hỏi tang quyến bất kỳ một thứ “chi phí” hay khoản “bồi dưỡng” nào.

(14) *Hội Công Đồng*: Hội này do Hội Thánh thành lập để xét xử các lễ sanh (chức sắc phẩm thấp nhất), chức việc (thấp hơn chức sắc), và tín đồ phạm các trọng tội (như tà dâm, tham lam, gây rối trật tự trị an, theo mê tín dị đoan, kết bè đảng chia rẽ nội bộ, v.v.).

(15) <https://www.giaoxutandinh.net/2016/08/09/doi-net-ve-giao-xu-tan-dinh/>.

(16) <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20160123/33805>.

## TÓM TẮT

Trong đạo Cao Đài có yếu tố đạo Chúa để hợp với Tam giáo (Nho, Lão, Phật) thành Tứ giáo, một thuật ngữ xuất hiện kể từ khi có đạo Cao Đài. Kinh điển Cao Đài vì thế có dùng nhiều thuật ngữ đạo Chúa cùng với các thuật ngữ Tam giáo.

Để bổ di cho tập sách nhan đề: *Sơ khảo thuật ngữ đạo Chúa trong đạo Cao Đài / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, tháng 01/2019, 104 trang), bài viết này chứng minh hai thuật ngữ **họ**, **họ đạo** trong đạo Cao Đài có nguồn gốc từ đạo Chúa.

## ABSTRACT

### **SURVEYING TWO CHRISTIAN TERMS USED IN CAODAISM: *HỌ*, *HỌ ĐẠO* (PARISH)**

Besides the Three Teachings (Confucianism, Daoism, and Buddhism), Christianity is another element or constituent of Caodaism, and hence Caodaism coins the term *the Four Teachings* to collectively call its four constituents. This is why Caodai holy teaching and its laws contain lots of Christian terms as well as the ones of the Three Teachings.

As a supplement to the book entitled *Sơ khảo thuật ngữ đạo Chúa trong đạo Cao Đài / A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism* (Hà Nội: Hồng Đức pub., January 2019, 104 pages), this writing proves that Caodaism borrows the two terms *họ*, and *họ đạo* (ie., parish) from Christianity.